TÒA ÁN NHÂN NHÂN TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 330/2019/DS-PT
Ngày:14 - 11 - 2019
V/v tranh chấp:"Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà.: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 19 tháng 03 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 **Trương Ngọc Đ**, sinh năm 1958;

1.2 **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ*:* số M, tổ M, ấp N, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Ngọc Đ là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2013) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Văn C: ông Nguyễn Văn G- Tư vấn viên Hội viên Hội luật gia tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2. Bị đơn: **Nguyễn Phước L**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: số M, L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là số B L, khu phố M, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang)

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Phước L, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2013).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Nguyễn Phước L**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Trương Nhứt N**, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)
- **Nguyễn Trương Nhị N**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số M, tổ M, ấp N, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Lâm Thị H**, sinh năm 1973;
- **Nguyễn Phước L**, sinh năm 1997;
- **Nguyễn Phước Lo**, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: M L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là số B L, khu phố M, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang)

Người đại diện theo ủy quyền của chị H và Phước L là ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 03/8/2016).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Phước L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trương Ngọc Đ trình bày:

Ông C và bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.778m^2, thuộc thửa đất số 2961, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng cây lâu năm và diện tích 192m^2, thuộc thửa đất số 3488, tờ bản đồ số 1, loại đất ở, đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cấp ngày 29/12/2006. Nguồn gốc đất là do ông C, bà Đ nhận chuyển nhượng từ ông Cao Văn S vào tháng 4/2005. Khi chuyển nhượng giáp ranh đất về hướng Bắc là phần đất của ông Nguyễn Văn Đ, đến năm 2006 ông Đ chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Phước L. Ranh đất giữa hai bên trước đây là một đường thẳng, có trụ xi măng ở hai đầu, sau khi sang nhượng thì ông L có cắm trụ xi măng làm hàng rào, sau đó cũng trong năm 2006 ông L xây nhà, trong quá trình xây nhà và sử dụng đất ông L có lấn ranh đất của ông C, bà Đ. Nay ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu xác định ranh đất giữa ông C, bà Đ với đất ông L và yêu cầu ông Nguyễn Phước L trả lại diện tích đất lấn chiếm theo giá thị trường.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Phước L là ông Nguyễn Phước L trình bày: Năm 2006, ông Nguyễn Phước L có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn Đ và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00826, ngày 15/8/2006, diện tích 1.526,5m^2, thửa đất số 3338, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giáp ranh đất về hướng Nam là con mương chung, sau đó hai bên xác định ranh và lấp con mương nên hiện con mương không còn, đường ranh có xác định bằng hai cọc cây ở hai đầu sau đổi thành trụ xi măng, khi cắm trụ xi

măng làm hàng rào và cất nhà có mặt ông C cầm dây đo xác định ranh, ông L xây nhà cũng chưa hết phần ranh đất của ông L, sau khi xây nhà xong thì ông C cho rằng ông L cất nhà và sử dụng ranh đất lấn chiếm của ông C, bà Đ và khởi kiện yêu cầu ông L trả phần đất ranh lấn chiếm. Ông L xác định không lấn ranh đất của ông C, bà Đ và không đồng ý trả đất. Nếu qua đo đạc ông L có lấn ranh đất thì ông L đồng ý trả cho ông C, bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước L trình bày: Ông là người đang quản lý phần đất, nhà của ông Nguyễn Phước L mà ông C, bà Đ đang tranh chấp ranh. Ông L thống nhất với trình bày của ông L, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trương Nhứt N và Nguyễn Trương Nhị N trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông C và bà Đ, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị H, Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước L trình bày: Thống nhất ý kiến của ông L và không có yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 175, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai;
- Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và bà Trương Ngọc Đ.

1/ Buộc ông Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước L và thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Phước L gồm: Lâm Thị H, Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước Lo có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Trương Ngọc Đ diện tích đất 15,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm, nằm trong thửa đất số 2961, diện tích 2.778m^2, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01176 do Ủy ban nhân dân huyện C – Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ ngày 29/12/2006, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có tứ cận và kích thước như sau: hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Phước L, kích thước 60,54 mét; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ kích thước 60,54 mét; hướng Đông giáp Quốc lộ M, kích thước 0,17 mét; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Phước L, kích thước 0,1 mét. Giao trả bằng giá trị là 18.720.000 đồng (có kèm theo sơ đồ).

Ông Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước L và thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Phước L gồm: Lâm Thị H, Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước Lo được quyền tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 15,6m^2 có kích thước, tứ cận như trên.

Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ yêu cầu ông Nguyễn Phước L hoàn trả số tiền đo đạc định giá tài sản (03 lần) với số tiền là 8.200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 01/04/2019 bị đơn là ông Nguyễn Phước L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phước L đại diện bị đơn ông Nguyễn Phước L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do hộ ông Nguyễn Văn L không có lấn đất của ông C, bà Đ; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông C, bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, yêu cầu kháng cáo của ông L không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước L là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Trương Nhứt N, Nguyễn Trương Nhị N, Nguyễn Phước Lo vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "quyền sử dụng đất" là có căn cứ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước L xét thấy:

Nguyên đơn là bà Trương Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn C có phần đất vườn diện tích 2.778m^2 thửa 2961 và phần đất ở diện tích 192m^2 thửa 3488 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/12/2006 cho bà Đ và ông C; giáp ranh với hai thửa đất trên về hướng Bắc là thửa đất số 3338, diện tích 1.526,5 m^2 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Phước L ngày 15/8/2006, ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng.

Theo trình bày của ông C, bà Đ thì trong quá trình sử dụng đất làm trụ hàng rào, cất nhà ông L có lấn chiếm ranh đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, theo biên bản đo đạc ngày 23/6/2017 thì hộ ông L lấn chiếm đất của ông, bà là 204,9m^2. Ông C, bà Đ yêu cầu xác định ranh giữa hai thửa đất của ông C, bà Đ và thửa đất của ông L; buộc ông L trả phần đất lấn chiếm 204,9m^2 cho ông C, bà Đ bằng giá trị.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Phước L trình bày là không có lấn đất của ông C, bà Đ, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả đo đạc thực tế ngày 23/6/2017 xác định phần đất đo đạc thực tế ông C, bà Đ đang quản lý sử dụng là 2.792,2m^2 (chưa tính phần đất ông C, bà Đ tranh chấp 204,9m^2), nếu chưa tính diện tích tranh chấp thì diện tích đất ông C, bà Đ so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.970m^2 giảm 177,8 m^2 , còn nếu tính luôn phần đất tranh chấp 204,9m^2 thì phần đất của ông C, bà Đ tăng 27,1m^2; còn đối với phần đất đo đạc thực tế của ông L quản lý sử dụng là 1542,1m^2 (tính luôn phần đất tranh chấp 204,9m^2) so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1526,5m^2 thì diện tích tăng là 15,6m^2

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L có lấn chiếm một phần ranh đất của hộ ông C, bà Đ với diện tích là 15,6m^2, có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Phước L kích thước 60,45m
- Hướng Nam giáp đất ông C, bà Đ kích thước 60,45m.
- Hướng Đông giáp Quốc lộ M kích thước là 0,17m.
- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Phước L, kích thước 0,1m.

Và tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ, buộc hộ ông L và ông L trả diện tích đất 15,6m^2 cho ông C, bà Đ có tứ cận nêu trên bằng giá trị là 18.720.000đ, sau khi xét xử sơ thẩm ông L kháng cáo, ông C và bà Đ không có kháng cáo.

Xét thấy hai thửa đất của ông C, bà Đ giáp ranh về hướng Nam là phần đất của Lê Thái H, thửa 4330 và phần đất của ông Lê Thái Đ thửa đất số 95 hướng Đông và hướng Tây có hai trụ xi măng làm chuẩn, ranh là đường thẳng, các bên sử dụng ổn định giữa ông C, bà Đ với ông H, ông Đ xác định không có tranh chấp. Cũng như thửa đất của ông L giáp ranh về hướng Bắc là phần đất của bà Lâm Thị Thúy D ranh đất các bên là đường thẳng có trụ xi măng phân ranh các bên sử dụng ổn định không có tranh chấp; phía Đông các thửa đất của các bên giáp Quốc Lộ M, phía Tây giáp với đường nước công cộng.

Về ranh đất giữa ông C, bà Đ và ông L là đường thẳng trước đây có hai cọc cây ở hai đầu, vào năm 2006 ông L xây nhà, cắm trụ xi măng làm hàng rào phía ông C có cầm dây xác định ranh để ông L xây nhà, hiện trụ xi măng làm ranh phần giáp

Quốc lộ M vẫn còn, tại phiên tòa phúc thẩm ông L đại diện ùy quyền của ông L và ông C xác định trụ xi măng trên là ranh đất phần giáp Quốc lộ M.

Căn cứ kết quả đo đạc phần đất của hai bên về hiện trạng sử dụng đất có thay đổi về diện tích và kích thước so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các bên được cấp giấy, cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/10/2019 của Tòa án cấp phúc thẩm được các đương sự thống nhất xác định phần đất của ông Lắm hướng Đông giáp với Quốc Lộ M có chiều ngang tính từ trụ xi măng (trụ cách tim lộ Quốc lộ M là 15m, được các bên xác định là ranh đất) đến phần giáp ranh đất của bà Lâm Thị Thúy D có chiều ngang là 8,15m (đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử đất cấp cho ông L có chiều ngang phần giáp Quốc lộ M là 8,m) thì tăng là 0,15m; còn phần đất ông C, bà Đ cạnh giáp với Quốc lộ M tính từ trụ xi măng trên đến ranh giáp với phần đất ông Lê Thái H có chiều ngang là 16,22m (đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C, bà Đ có chiều ngang phần giáp Quốc lộ M là 16, 1m) thì tăng là 0,12m; Xét thấy kết quả thẩm định nêu trên phù hợp với sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2016 xác định phần đất ông L và phần đất của ông C, bà Đ có chiều ngang giáp Quốc lộ M là đều tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó phần đất thực tế các bên sử dụng có chiều ngang giáp với Quốc lộ M so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều tăng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L sử dụng đất lấn qua phần của ông C, bà Đ diện tích 15,6m^2 phần giáp quốc lộ M là chưa phù hợp, nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ, xác định phần đất tranh chấp 204,9m^2 thuộc thửa đất số 3338, diện tích 1.526,5m^2 (đo đạc thực tế 1542,1 m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2017) loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00826 ngày 15/8/2006 cho ông Nguyễn Phước L.

Từ phân tích trên, xét thấy nội dung kháng cáo của ông L có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Phước L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 175, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước L

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trương Ngọc Đ yêu cầu ông Nguyễn Phước L trả diện tích đất 204,9m^2 (phần S1 theo sơ đồ đo đạc kèm theo) thuộc thửa số 3338, diện tích 1.526,5m^2 (đo đạc thực tế 1542,1 m^2 theo sơ đồ đo đạc kèm theo), loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00826 ngày 15/8/2006 cho ông Nguyễn Phước L (sơ đồ đo đạc kèm theo).

2 /Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ yêu cầu ông Nguyễn Phước L hoàn trả số tiền đo đạc định giá tài sản (03 lần) với số tiền là 8.200.000 đồng.

3/. Về án phí:

+ Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C, bà Trương Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 200.000đ mà ông C, bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 013697 ngày 19/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phước L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên hoàn lại cho ông Nguyễn Phước L là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Phước L số tiền 300.000 đồng mà ông L đã nộp theo biên lai thu số 0009582 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C
- THADS huyện C
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-L

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Bình